

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **101/2023/HS-ST**

Ngày 27-11- 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Bà NTTT

Các hội thẩm nhân dân: Ông DXT và bà NTN

Thư ký pH tòa: Bà PTT - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia pH tòa: Ông VHS-Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm công KH vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2023/TLST-HS ngày 27/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HS ngày 10/11/2023 đối với các bị cáo có tên sau đây:

1. NTH, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 3, phường NT, thành phố VT, tỉnh PT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; con ông NSC, sinh năm 1964 và bà PTBN, sinh năm 1966; vợ: DTH, sinh năm 1992; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2022 đến ngày 22/10/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. *(Có mặt)*

2. BTD, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu 13, xã HC, huyện TB, tỉnh PT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; con ông BHS, sinh năm 1972 và bà NTH, sinh năm 1970; vợ: NTTT, sinh năm 2001; con: có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự, nhân thân: không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2022 đến ngày 22/10/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. *(Có mặt)*

3. NTT(tên gọi khác: NTD), sinh năm 1992; nơi cư trú: Đội 8, xã CD, huyện VT, tỉnh VP; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 10/12; con ông NTQ, sinh năm 1963 và bà NTP, sinh năm 1964; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2022 đến ngày 22/10/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. *(Có mặt)*

- **Bị hại:** Ông TVT, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố MP, TTNB, huyện YD, tỉnh BG. (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng TMCP VNTV; địa chỉ trụ sở: Số 89, đường LH, phường LH, quận DD, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NCD. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Vắng mặt)

+ Anh TMH, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố MP, TTNB, huyện YD, tỉnh BG. (Vắng mặt)

+ Anh MDC, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu 4, HL, thị xã PT, tỉnh PT. (Vắng mặt)

+ Bà DTH, sinh năm 1971 và ông MVC, sinh năm 1968 do bà DTH đại diện theo uỷ quyền; cùng địa chỉ: Khu 4, HL, thị xã PT, tỉnh PT. (Vắng mặt)

+ Anh BVT, sinh năm 1978 và chị DTTH, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Khu 13, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. (Vắng mặt)

+ Ông NSC, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu 3, phường NT, thành phố VT, tỉnh PT. (Có mặt)

- **Người làm chứng:**

+ Chị LTN, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố MP, TTNB, huyện YD, tỉnh BG. (Vắng mặt)

+ Ông NSG, sinh năm 1958 và bà PTTK, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Số 11, ngách 19/2, LG, BD, HN. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: NTH, BTD, NTT quen biết nhau thông qua các mối quan hệ xã hội. H nảy sinh ý định mua xe ô tô cũ, đem về lắp định vị theo dõi rồi đem bán, sau đó tìm cách trộm cắp lại chiếc xe đã bán đó. Để tránh bị phát hiện, H lên mạng xã hội tìm được thông tin một căn cước công dân tên NTO, sinh 1986 ở quận LB, thành phố HN để làm thông tin của mình khi mua bán. H tìm thông tin tại mục mua bán xe ô tô cũ trên mạng xã hội Facebook và thấy anh MDC rao bán xe ô tô, H liên lạc với anh C và hẹn anh C chiều ngày 08/8/2022 đi xe ô tô đến khu vực đường Nguyễn Khang, quận Cầu Giấy, thành phố HN để trao đổi cụ thể. Chiều ngày 08/8/2022, tại địa điểm đã hẹn, H gặp anh C. H nói tên là NHO, sinh năm 1986, ở quận LB, thành phố HN và gửi căn cước công dân mang tên NHO do H tải trên mạng xã hội về cho anh C để làm tin. H xem xe và thoả thuận, H bên thống nhất: H mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ, biển kiểm soát 19A-335.69 của anh C với giá 305.000.000 đồng. H đặt cọc trước cho anh C 100.000.000 đồng để nhận xe, số tiền còn lại H hẹn trong thời hạn 30 ngày sẽ T toán đầy đủ cho anh C, khi đó anh C có trách nhiệm lấy bản gốc Giấy đăng ký xe

ô tô giao cho H (do chiếc xe đang thế chấp tại Ngân hàng). H bên đã làm giấy Cm kết đặt cọc, anh C đã bàn giao chiếc xe ô tô cho H cùng 02 chiếc chìa khóa và 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 bản gốc Giấy chứng nhận kiểm định và 01 bản photocopy giấy chứng minh nhân dân mang tên DTH đứng tên đăng ký xe ô tô (bà H là mẹ của anh C).

Sau khi mua được xe, H điều khiển xe đến một Gara ô tô trên địa bàn thành phố HN, lắp đặt thiết bị định vị vào màn hình trên xe và cài đặt, kết nối với chiếc điện thoại di động của H. Sau đó H rao bán chiếc xe trên trang Facebook cá nhân thì có anh TMH gọi điện tìm hiểu, trao đổi với H và hẹn gặp nhau để xem xe. Sau khi thống nhất thời gian, địa điểm xem xe với anh H, H điện thoại cho BTD đến giao chiếc xe và chiếc điện thoại di động của H cho D bảo D đem chiếc xe ô tô đến khu vực gầm Cầu NH, thuộc huyện DA, thành phố HN để bán xe.

Trưa ngày 11/8/2022, anh H cùng bố đẻ là ông TVT đến khu vực gầm Cầu NH, thuộc huyện DA, thành phố HN để xem xe. Khi đến địa điểm đã hẹn, anh H gặp D đi xe ô tô Vinfast Fadil, biển kiểm soát 19A-335.69 đến. Sau khi xem xe, anh H chỉ đồng ý mua chiếc xe ô tô đó với giá là 142.000.000đ, thấy anh H trả giá như vậy, nên D điện thoại về cho H thì H bảo D là đồng ý bán. Sau khi thống nhất giá bán chiếc xe ô tô, ông T đã trả cho D 120.000.000 đồng tiền mặt, còn anh H T toán trả D bằng hình thức chuyển khoản số tiền còn lại 22.000.000 đồng từ số tài khoản Ngân hàng mang tên TMH, mở tại Ngân hàng TH mại Cổ phần Ngoại tH Việt Nam đến số tài khoản mang tên VVQ, sinh năm 1998, trú tại thôn LC, xã XG, huyện SS, thành phố HN là số tài khoản Ngân hàng mà NTH mua trên mạng xã hội để quá trình sử dụng tránh bị phát hiện. Sau khi nhận đủ tiền D đã giao chiếc xe ô tô Vinfast Fadil, biển kiểm soát 19A-335.69 và 01 chiếc chìa khóa xe cùng 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô; 01 bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân mang tên DTH và 01 giấy mua bán xe ô tô đề tên người bán là DTH do NTH tự viết ra, ký tên và điểm chỉ. Toàn bộ số tiền bán xe ô tô, D quay lại đưa cho H.

Sau khi bán được chiếc xe ô tô trên, ngày 13/8/2022, qua theo dõi hệ thống định vị gắn trên xe ô tô được kết nối với điện thoại di động, H phát hiện vị trí chiếc xe ô tô 19A-335.69 đang ở TTNB, huyện YD, tỉnh BG, nên H bảo D thuê một chiếc xe ô tô đi đến khu vực TTNB, YD, BG để trộm cắp lại chiếc xe ô tô đã bán cho anh H. D đã đến thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29A-149.57 của anh BVT đến chở H đi về BG để trộm cắp chiếc xe ô tô đã bán trước đó. Trên đường đi H điện thoại rủ NTT cùng đi trộm cắp thì T đồng ý. Khi đến TTNB, huyện YD, tỉnh BG, H, D, T vào Nhà nghỉ Minh Nguyệt ở tổ dân phố MP, TTNB, huyện YD, tỉnh BG thuê một phòng nghỉ để ở, tiện cho việc theo dõi vị trí của chiếc xe ô tô Vinfast Fadil 19A- 335.69 qua thiết bị định vị để tìm cơ hội trộm cắp. Sau 05 ngày theo dõi, quan sát không trộm cắp được, đến khoảng 13 giờ ngày 18/8/2022, quan

sát thấy chiếc xe ô tô 19A- 335.69 đang đỗ trước cửa nhà ông Trần Văn T, ở tổ dân phố MP, TTNB, huyện YD, thấy xung quanh vắng người qua lại, xe ô tô không có người trông coi, nên H bảo D điều khiển xe ô tô 29A-149.57 chở H, T đi đến gần chỗ đỗ chiếc xe ô tô 19A- 335.69 đang đỗ rồi H xuống xe sử dụng chìa khóa phụ đem theo mở cửa, lên xe nổ máy rồi điều khiển chiếc xe đi về hướng Co tốc HN - Lạng Sơn. Khi đi được khoảng 03km thì H gọi điện bảo T sang ngồi cùng xe với H đi về huyện TB, tỉnh PT, còn D điều khiển xe ô tô về khu vực phường Ô Chợ Dừa, quận DD, thành phố HN để lấy 02 chiếc biển kiểm soát 15A-803.66 mà H đã đặt mua trước đó, đem về thay vào chiếc xe ô tô đã trộm cắp được. Sau khi về đến huyện TB, tỉnh PT, D đem xe ô tô 29A-149.57 trả cho anh Thịnh rồi cùng H, T tháo cặp biển số 19A- 335.69 của chiếc xe ra lắp chiếc biển kiểm soát giả 15A- 803.66 vào, đồng thời tháo bỏ lót sàn xe, bóc deCn được dán tại các vị trí cửa xe để tránh bị phát hiện. Sau đó, H đưa xe ô tô trộm cắp được cho D làm PH tiện đi lại chờ bán sau.

Ông TVT và anh TMH phát hiện bị mất xe ô tô, ông T đã làm đơn trình báo. Quá trình xác minh điều tra, phát hiện NTH, BTD và NTT là các đối tượng đã trộm cắp chiếc xe ô tô của ông T. Biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện đang bị điều tra, ngày 20/8/2022, H, D và T ra đầu thú.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen. Thu giữ của T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trọng T. Thu giữ của D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu Cm; 01 điện thoại Oppo Fls màu hồng; số tiền 4.000.000 đồng; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ, đeo biển kiểm soát 15A-803.66, trong xe có: 01 chiếc ba lô màu đỏ đen, bên trong đựng 01 chiếc quần bò màu xanh, bên trong túi quần bò có 01 chiếc ví da, bên trong ví có 01 căn cước công dân; 04 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Tăng Viết Cầu; 01 chiếc bọc vô lăng; 03 tấm lót sàn xe ô tô; 01 chiếc mũ cối màu xanh; 02 chiếc biển kiểm soát mang số 19A- 335.69; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 19A- 335.69 tên DTH; 01 giấy mua bán xe ô tô có ký tên DTH; 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển kiểm soát 19A- 335.69. Khám xét khẩn cấp nơi ở NTH thu giữ: 01 Cmera hành trình màu đen gắn với đoạn dây điện dài 1,2m, đựng trong túi ni lông màu đỏ.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YD số 62 ngày 25/8/2022 kết luận: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ, có tổng trị giá, tại thời điểm định giá là 321.200.000 đồng.

Kết luận giám định số 2186/KL-KTHS ngày 29/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BG kết luận: Chữ, số trên 02 biển kiểm soát 15A-

803.66 gửi giám định so với chữ, số trên 02 biển kiểm soát A15-803.66 do Công ty TNHH MTV NT cung cấp là không phải do cùng một bộ chữ, số đóng ra.

Kết luận giám định số 2187/KL-KTHS ngày 29/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BG kết luận đối với giấy mua bán: “1. Chữ viết trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ viết của NTH trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra; Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định chữ ký dưới mục “Người bán” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của NTH trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) do chữ ký cần giám định và chữ ký mẫu so sánh là khác dạng; 2. Dấu vân tay màu đỏ in trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với dấu vân tay in trên ô ngón tay trở phải trên “Danh bản”, “Chỉ bản” mang tên NTH là của cùng một người”.

Quá trình điều tra, ông NSC là bố của H đã tự nguyện bồi thường cho ông TVT số tiền 142.000.000 đồng. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ, biển kiểm soát 19A-335.69 là của bà DTH (là mẹ đẻ của MDC), việc C bán chiếc xe ô tô, bà có biết, chiếc xe ô tô hiện đang là tài sản bà thế chấp tại ngân hàng. Ngày 10/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã trả bà DTH 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ cùng 02 chiếc biển kiểm soát số 19A-335.69.

Giai đoạn xét xử, ông NSC nộp tài liệu, chứng cứ về chiếc xe ô tô mà trước đó Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YD chưa xem xét đến để định giá. Các bị cáo NTH, BTĐ, NTT và bị hại ông TVT có đơn đề nghị định giá lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19A-335.69. Ngày 26/7/2023, Tòa án nhân dân huyện YD ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung.

Ngày 11/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD ra quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD để định giá lại chiếc xe ô tô do các bị cáo trộm cắp. Tại Kết luận định giá số 65 ngày 09/10/2023 của Hội đồng định giá sai sản trong tố tụng hình sự huyện YD kết luận: Trị giá chiếc xe ô tô các bị Cn trộm cắp của ông TVT là 187.000.000 đồng. Các bị cáo, bị hại đều đồng ý với kết quả định giá trên.

Tại cơ quan điều tra, NTH, BTĐ và NTT đã thành khẩn KH nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản Cáo trạng số 101/CT-VKS YD ngày 25/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố NTH, BTĐ, NTT về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại pH tòa, các bị cáo đã KH nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Ông C có mặt nhất lời KH của các bị cáo là đúng, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử đã công bố lời KH của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại pH tòa. Các bị cáo, ông C không có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự

- + Xử phạt bị cáo NTH từ 30 đến 32 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho UBND phường NT, thành phố VT, tỉnh PT giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- + Xử phạt bị cáo BTĐ từ 27 đến 29 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 58 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho UBND xã HC, huyện TB, tỉnh PT giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- + Xử phạt bị cáo NTT(tức NTD) từ 24 đến 26 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 52 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T (tức Đại) cho UBND xã CD, huyện VT, tỉnh VP giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu Cm. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc ba lô màu đỏ đen, 02 chiếc biển kiểm soát số 15A-803.66. Trả lại cho: bà DTH 01 Cmera hành trình, 01 chiếc bọc vô lăng, 03 tấm lót sàn xe ô tô; bị cáo NTT01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trọng T; bị cáo BTĐ chiếc điện thoại Oppo Fls, màu hồng và số tiền 4.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét do bị hại không có yêu cầu.

- Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Các bị cáo, ông C nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đều rất hối hận, các bị cáo mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện

đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại pH tòa, bị hại, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời KH trong hồ sơ, sự vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời KH nhận tội của các bị cáo tại pH tòa phù hợp với lời KH của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời KH của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại pH tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bằng thủ đoạn tìm mua xe ô tô đang thế chấp giấy tờ ở Ngân hàng sau đó đem về gắn thiết bị định vị lên chiếc xe ô tô rồi bán rồi tìm cách chiếm đoạt lại. Ngày 08/8/2022, NTH đã mua được 01 chiếc xe ô tô của anh MDC, với giá thỏa thuận là 305.000.000 đồng, do giấy tờ xe đang thế chấp ở Ngân hàng nên H trả trước cho anh C 100.000.000 đồng, rồi đem chiếc xe ô tô về, hẹn đến ngày 09/9/2022 thì H bên hoàn tất các thủ tục. Sau khi mua được chiếc xe ô tô của anh C, H đem đến ga ra ô tô ở thành phố HN lắp đặt thiết bị định vị vào màn hình trên xe và cài đặt, kết nối với chiếc điện thoại di động của H, sau đó H đăng tải thông tin giao bán chiếc xe trên trang Facebook cá nhân. Đến ngày 11/8/2022, H đã bán chiếc xe ô tô mua của anh C cho ông TVT và anh TMH là con ông T lấy 142.000.000 đồng. Biết chiếc xe ô tô H bán đang ở TTNB, huyện YD, tỉnh BG. Ngày 13/8/2022, NTH cùng LTD, NTT thuê một xe ô tô đi đến TTNB, huyện YD, BG để trộm cắp chiếc xe ô tô H đã bán cho ông T, anh H. Sau 05 ngày theo dõi, quan sát, đến 13 giờ ngày 18/8/2022, NTH, LTD, NTT đã trộm cắp được chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19A- 335.69 của ông TVT đem về huyện TB, tỉnh PT rồi tháo cặp biển số 19A-335.69 của chiếc xe ra, lắp chiếc biển kiểm soát giả 15A-803.66 vào, đồng thời tháo bỏ lót sàn xe, bóc de Cn được dán tại các vị trí cửa xe để tránh bị phát hiện. Sau đó, H đưa xe ô tô trộm cắp được cho D làm pH tiện đi lại chờ bán sau. Trị giá chiếc xe ô tô H, D, T trộm cắp là 187.000.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo tuy biết hành vi của mình vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa pH. Vì vậy, cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4.2] Về tính đồng phạm, vị trí, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án có ba bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công công việc, nhiệm vụ cụ thể cho từng người cũng như chưa bàn bạc rõ về cách thức chiếm đoạt tài sản và cách tiêu thụ tài sản khi trộm cắp được. Do vậy, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy NH, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo có sự khác nhau.

Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Bị cáo H là người khởi xướng và trực tiếp trộm cắp chiếc xe ô tô trên, đồng thời rủ rê các bị cáo D, T cùng tham gia thực hiện tội phạm do đó bị cáo H có vai trò lớn nhất. Bị cáo D có vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo H vì là người mang chiếc xe ô tô và giấy tờ đi bán cho anh H và ông T nên có vai trò thứ H. Bị cáo T (tức Đại) tham gia cùng bị cáo H, D đi trộm cắp tài sản, có giúp sức cho các bị cáo H, D nên có vai trò thứ ba trong vụ án đồng phạm này.

[4.3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì và đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] Xét tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại pH toà, các bị cáo có thái độ thành khẩn KH báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; các bị cáo đã tác động người thân khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú; các bị cáo đều tham gia nghĩa vụ quân sự và được tặng thưởng giấy khen trong quá trình tham gia nghĩa vụ; các bị cáo H, D có ông, bà được Nhà nước tặng thưởng huân, huy cH kháng chiến hạng Nhất, Nhì; bị cáo H còn tích cực tham gia ủng hộ địa pH trong công tác phòng, chống đại dịch Covid-19. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy NH, các bị cáo phạm tội lần đầu; có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo H, D đều có con nhỏ. Đối chiếu hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết

số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thấy các bị cáo đều có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho các bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật và đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân biết tuân thủ pháp luật. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc áp dụng cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Việc xử phạt các bị cáo với mức hình phạt trong khung như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị hại và người liên quan đều đã được bồi thường đến nay không ai yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông NSC là bố của bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho ông TVT số tiền 142.000.000 đồng, ông T đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường thêm, ông C cũng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền trên. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ, biển kiểm soát 19A-335.69 đã được trả lại cho bà DTH, bà H không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án gồm:

[7.1] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen của bị cáo H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng của bị cáo T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu Cm của bị cáo D là phiên tiện để các bị cáo liên lạc, thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trọng T; 01 điện thoại Oppo F1s màu hồng và số tiền 4.000.000 đồng của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T, D theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.3] Đối với 01 Camera hành trình màu đen; 01 chiếc bọc vô lăng; 03 tấm lót sàn xe ô tô là của bà DTH (không liên quan đến hành vi phạm tội) nên cần trả lại cho bà H theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.4] Đối với 01 chiếc ba lô màu đỏ đen không còn giá trị sử dụng và 02 chiếc biển kiểm soát 15A-803.66 giả cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với anh VVQ là chủ số tài khoản ngân hàng mà NTH KH mua trên mạng xã hội để quá trình sử dụng tránh bị phát hiện thì Cơ quan điều tra đã xác

minh nhưng Quang không có mặt tại nơi cư trú, địa pH và gia đình không biết Quang hiện đang ở đâu, nên không lấy được lời kH, không có căn cứ để xác minh, điều tra. Đối tượng tên Quỳnh là người viết giấy đặt cọc mua bán xe ô tô giữa C và H, do không biết địa chỉ cụ thể, nên không có căn cứ để xác minh, điều tra.

[9] Đối với hành vi của H mua biển kiểm soát giả, lấy thông tin một căn cước công dân tên NTO để làm thông tin của mình khi mua bán xe, lắp đặt thiết bị định vị vào màn hình trên xe và cài đặt, kết nối, tự viết giấy mua bán tên DTH xảy ra tại địa bàn thành phố HN. Viện kiểm sát nhân dân huyện YD có công văn yêu cầu cơ quan điều tra Công an huyện YD chuyển các thông tin về hành vi của H xảy ra trên địa bàn thành phố HN đến Cơ quan điều tra Công an thành phố HN xử lý là phù hợp.

[10] Đối với số tiền 100.000.000 đồng bị cáo H đưa cho anh C khi nhận chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19A- 335.69: Anh C và bị cáo H đều xác định số tiền này là đủ trả tiền bị cáo H thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19A-335.69 và đã giải quyết xong, cả anh C và bị cáo đều không có yêu cầu giải quyết gì về số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ, biển kiểm soát 19A-335.69: Quá trình điều tra xác định là của bà DTH và có thể chấp tại Ngân hàng TMCP VNTV để đảm bảo cho khoản vay của bà DTH và chồng là ông MVC nhưng bà H và ông Chung chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 10/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà H chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19A-335.69 trên cùng 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô này là đúng quy định. Đến nay cả bà H và Ngân hàng TMCP VNTV đều không có ý kiến gì.

[12] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển kiểm soát 29A-149.57 là tài sản của chị DTTH, do anh Thịnh cho bị cáo D thuê. Anh Thịnh, chị H không biết bị cáo D thuê xe ô tô để đi thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 04/10/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29A-149.57 cho chị H là đúng quy định.

[13] Một số tài sản thu giữ trên chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil, màu đỏ gồm: 01 chiếc quần bò màu xanh; 01 chiếc ví da; 01 căn cước công dân, 04 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Tăng Viết Cầu; 01 chiếc mũ còi màu xanh là tài sản của ông Trần Văn T, ngày 18/10/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho ông T là đúng quy định.

[14] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[15] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại pH tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo NTH **02 (H)** năm **08 (Tám)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách **05 (Năm)** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/11/2023). Giao bị cáo NTH cho Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố VT, tỉnh PT giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Xử phạt bị cáo BTD **02 (H)** năm **05 (Năm)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách **04 (Bốn)** năm **10 (Mười)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/11/2023). Giao bị cáo BTD cho Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TB, tỉnh PT giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Xử phạt bị cáo NTT(tức NTD) **02 (H)** năm **02 (H)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách **04 (Bốn)** năm **04 (Bốn)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/11/2023). Giao bị cáo NTT(tức NTD) cho Ủy ban nhân dân xã CD, huyện VT, tỉnh VP giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.5. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc ba lô màu đỏ đen và 02 (H) chiếc biển kiểm soát số 15A-803.66.

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu Cm.

2.3. Trả lại cho bà DTH: 01 (một) Cmera hành trình; 01 (một) chiếc bọc vô lăng; 03 (ba) tấm lót sàn xe ô tô;

2.4. Trả lại cho bị cáo NTT(tức NTD) 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trọng T.

2.5. Trả lại cho bị cáo BTĐ 01 (một) chiếc điện thoại Oppo Fls, màu hồng và số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003856 ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh BG nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Các bị cáo NTH, BTĐ, NTT(tức NTD) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*H trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại pH toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại pH toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa pH tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng